

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/KDTM-PT
Ngày 18-8-2022
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Thanh Thúy

Các Thẩm phán:

Ông Lê Minh Đạt

Ông Phạm Văn Ngọt

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Chánh - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLPT-KDTM ngày 01/6/2022 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2022/KDTM-ST ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 158/2022/QĐ-PT ngày 05/7/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty A

Địa chỉ: Số nhà 14/2, Khu phố X, thị trấn C, huyện C, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc T - Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông T1, sinh năm 1978

Địa chỉ: Ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Công ty B

Địa chỉ: Số nhà 207D N, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Đức T2, chức vụ: Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Huỳnh Minh Đ, sinh năm 1987

Địa chỉ: Số nhà 6A2 H, Khu phố X, phường A, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. Người kháng cáo: Bị đơn Công ty B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn Công ty A và trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Từ ngày 12/5/2019 đến ngày 30/9/2020, Công ty A (Công ty A) có cung cấp vật tư, thiết bị điện cho Công ty B. Việc mua bán không có lập hợp đồng, việc cung ứng hàng hóa dựa trên yêu cầu của Công ty B thông qua điện thoại đặt hàng.

Qua đối chiếu công nợ đến hết ngày 30/9/2020, Công ty B còn nợ Công ty A số tiền 1.188.787.719 đồng, có chi tiết công nợ phải thu theo hóa đơn và xác nhận của Công ty B.

Sau nhiều lần thanh toán công nợ thì Công ty B còn nợ lại số tiền 562.538.775 đồng. Do đó, Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty B có trách nhiệm trả số tiền 562.538.775 đồng, không yêu cầu tính lãi. Tài liệu chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện bao gồm: Bản chính văn bản về việc xác nhận số liệu cho mục đích kiểm toán ngày 11/01/2021 của Công ty B và Chi tiết công nợ phải thu theo hóa đơn từ ngày 12/5/2019 đến 30/9/2020 của Công ty B.

Trong quá trình tố tụng, bị đơn Công ty B và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Bà Đỗ Thị Thu T3 là kế toán của Công ty B từ tháng 9/2020 đến tháng 5/2021. Giám đốc của Công ty B có sự thay đổi liên tục cụ thể: Từ tháng 5/2019 đến tháng 9/2020 là ông Nguyễn Hoài Y; Từ tháng 9/2020 đến tháng 3/2021 là ông Đinh Hoàng V; Từ tháng 3/2021 đến tháng 4/2021 là bà Y1; Từ ngày 27/4/2021 cho đến nay là ông T2. Sau khi tiếp nhận công ty thì ông T2 nhận thấy có dấu hiệu bất thường và bất hợp pháp nên đang kiểm tra các tài liệu lưu giữ để xác định lại công nợ thật sự của công ty.

Công ty nhận thấy tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp không đúng, không đủ cơ sở xác định công nợ công ty phải thanh toán theo yêu cầu và có dấu hiệu phạm tội theo Bộ luật hình sự của nguyên giám đốc Nguyễn Hoài Y và các Đối tượng thi công công trình, cụ thể:

Không có chứng cứ xác nhận việc mua bán: Không lập hợp đồng mua bán và không có xác nhận đặt hàng như nội dung trình bày của nguyên đơn tại phiên họp ngày 05/01/2022.

Không có đầy đủ chứng cứ xác nhận việc giao hàng: Hóa đơn bán hàng mà bị đơn nhận được tại Tòa, khách hàng ký nhận photo và hoàn toàn không phải là người của công ty (trừ ông Trần Trung T4), không khớp số liệu hóa đơn.

Công ty là nhà thầu và thi công thông qua các đội của công ty thi công. Đến nay, các đội thi công có công nợ phải trả công ty rất lớn do đã ứng tiền vượt khối lượng thi công và chưa hoàn ứng, thanh toán trả đầy đủ công ty.

Hóa đơn bán hàng, thư xác nhận công nợ phục vụ cho mục đích kiểm toán do ông Đinh Hoàng V - nguyên Giám đốc công ty đã ký và các khoản nợ đã thanh toán là không đúng, đủ và hợp lệ nên Công ty B không đồng ý trả số tiền còn lại theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết phù hợp với pháp luật.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã đưa vụ án ra xét xử.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 03/2022/DS-ST ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã áp dụng khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 430 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A. Buộc Công ty B phải có trách nhiệm trả cho Công ty A số tiền 562.538.775 (Năm trăm sáu mươi hai triệu năm trăm ba mươi tám ngàn bảy trăm bảy mươi lăm) đồng. Ghi nhận Công ty A tự nguyện không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, nghĩa vụ chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 15/4/2022, bị đơn Công ty B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì nguyên đơn không cung cấp được hợp đồng mua bán hàng hóa với Công ty, không có biên bản giao nhận hàng hóa xác nhận đã giao hàng cho công ty.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo, ông Đ trình bày: Giữa hai bên không có lập hợp đồng mua bán, không có xác nhận đặt hàng cũng không có chứng cứ xác nhận việc giao hàng nên Công ty B không đồng ý trả số tiền còn lại theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không đồng ý với nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn cung cấp chứng cứ là Lệnh thanh toán ngày 09/7/2021, theo đó Công ty B có chuyển cho Công ty A số tiền 102.289.000 đồng, nội dung thanh toán tiền mua thiết bị điện. Như vậy, cùng với các chứng cứ nguyên đơn đã cung cấp trước đây, có căn cứ xác định giữa các bên có giao dịch mua bán thiết bị điện, bị đơn kháng cáo cho rằng không có thực hiện giao dịch mua bán là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của Công ty B, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 03/2022/DS-ST ngày 06/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên; xét kháng cáo của Công ty B; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Công ty A khởi kiện yêu cầu Công ty B trả số tiền mua bán còn nợ 562.538.775 đồng. Bị đơn Công ty B cho rằng các hóa đơn bán hàng, văn bản về việc xác nhận số liệu cho mục đích kiểm toán ngày 11/01/2021 và chi tiết công nợ phải thu theo hóa đơn từ ngày 12/5/2019 đến 30/9/2020 do ông Đinh Hoàng V - nguyên Giám đốc công ty đã ký xác nhận và các khoản nợ đã thanh toán là không đúng, không đầy đủ và hợp lệ theo quy trình của Công ty B nên không đồng ý trả theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2] Căn cứ các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp gồm bản chính văn bản về việc xác nhận số liệu cho mục đích kiểm toán ngày 11/01/2021 của Công ty B và bản chính Chi tiết công nợ phải thu theo hóa đơn từ ngày 12/5/2019 đến 30/9/2020 của khách hàng là Công ty B. Các văn bản này có chữ ký của nguyên Giám đốc Công ty B là ông Đinh Hoàng V và có đóng dấu của công ty nên có giá trị pháp lý.

Theo nội dung bảng “Chi tiết công nợ phải thu theo hóa đơn” từ ngày 12/5/2019 đến 30/9/2020 của Công ty B thì kế toán Đỗ Thị Thu T3 và nguyên Giám đốc Đinh Hoàng V có ký tên và đóng dấu đã xác nhận đến hết ngày 30/9/2020 Công ty B còn nợ Công ty A số tiền 1.188.787.719 đồng. Đồng thời, tại “văn bản về việc xác nhận số liệu cho mục đích kiểm toán” ngày 11/01/2021 có chữ ký của nguyên giám đốc Đinh Hoàng V và đóng dấu đã thừa nhận số tiền mà Công ty B còn phải trả cho Công ty A là 998.505.977 đồng. Tại thời điểm phát hành các văn bản trên thì ông Đinh Hoàng V là Giám đốc Công ty B nên có đủ tư cách pháp lý để xác nhận công nợ cho công ty.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cung cấp chứng cứ là Lệnh thanh toán (Lệnh có) ngày 09/7/2021 tại Ngân hàng Agribank chi nhánh tỉnh Bến Tre. Theo lệnh nêu trên, Công ty B đã chuyển cho Công ty A số tiền 102.289.000 đồng, lý do chuyển tiền là để “*thanh toán tiền mua thiết bị điện*”. Tại thời điểm này, ông T2 là Giám đốc công ty nên việc ông T2 cho rằng chứng cứ do nguyên đơn cung cấp không đúng và không đủ cơ sở xác định công nợ công ty phải thanh toán là không có cơ sở.

Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp, bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ mới để chứng minh nên không được chấp nhận.

[3] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty B phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty B;

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số: 03/2022/KDTM-ST ngày 14/4/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng khoản 1 Điều 30, Điều 35, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 430 Bộ luật Dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty A.

Buộc Công ty B phải có trách nhiệm trả cho Công ty A số tiền 562.538.775 (Năm trăm sáu mươi hai triệu năm trăm ba mươi tám nghìn bảy trăm bảy mươi lăm) đồng.

Ghi nhận Công ty A tự nguyện không yêu cầu tính lãi đối với số tiền trên.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

[2] Về án phí:

[2.1] Án phí sơ thẩm:

Công ty B phải chịu 26.501.500 (Hai mươi sáu triệu năm trăm lẻ một nghìn năm trăm) đồng.

Hoàn trả cho Công ty A số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.064.000 (Mười bốn triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002660 ngày 06/12/2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre.

[2.2] Án phí phúc thẩm: Công ty B phải chịu 2.000.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.000.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0005318 ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố Bến Tre;
- Chi cục THADS thành phố Bến Tre;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thị Thanh Thúy